

Họ tên học sinh: Lớp:

PHIẾU TRẢ LỜI: Học sinh dùng bút chì tô vào đáp án đúng, không khoanh vào đề

Câu	A	B	C	D	Câu	A	B	C	D	Câu	A	B	C	D
1	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	11	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	21	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
2	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	12	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	22	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
3	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	13	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	23	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
4	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	14	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	24	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
5	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	15	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	25	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
6	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	16	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	26	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
7	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	17	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	27	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
8	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	18	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	28	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
9	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	19	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>					
10	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	20	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>					

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:(7 điểm) Hãy chọn câu trả lời đúng nhất

Câu 1: Nhân tố nào sau đây làm cho tỉ suất sinh cao?

- A. Số người ngoài tuổi lao động nhiều.
- B. Phong tục tập quán lạc hậu.
- C. Kinh tế - xã hội phát triển cao.
- D. Thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh.

Câu 2: Nhân tố nào sau đây làm cho tỉ suất tử thô trên thế giới giảm ?

- A. Chiến tranh gia tăng.
- B. Thiên tai ngày càng nhiều.
- C. Phong tục, tập quán lạc hậu.
- D. Tiến bộ về mặt y tế, khoa học.

Câu 3: Động lực phát triển dân số thế giới là

- A. gia tăng cơ học.
- B. gia tăng tự nhiên.
- C. tỉ suất sinh thô.
- D. tỉ suất tử thô.

Câu 4: Cơ cấu dân số theo giới **không** ảnh hưởng tới

- A. phân bố sản xuất.
- B. tổ chức đời sống xã hội.
- C. trình độ phát triển kinh tế.
- D. tình hình gia tăng dân số.

Câu 5: Nước có tỉ lệ người trong nhóm tuổi 0 – 14 chiếm dưới 25 %, nhóm 60 tuổi trở lên chiếm hơn 15% là nước có cơ cấu

- A. dân số trẻ.
- B. dân số già.
- C. dân số vàng.
- D. dân số ổn định.

Câu 6: Sự khác biệt giữa kiểu tháp dân số mở rộng với kiểu tháp thu hẹp là

- A. đáy rộng, đỉnh nhọn.
- B. đáy hẹp, đỉnh phình to.
- C. đáy rộng, thân thu hẹp.
- D. đáy rộng, đỉnh hơi phình.

Câu 7: Ảnh hưởng tích cực của đô thị hóa là

- A. nông thôn giảm đi nguồn nhân lực.
- C. tăng tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị.

- B. tỉ lệ dân số thành thị tăng.
- D. chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Câu 8: Vai trò quan trọng nhất của nông nghiệp mà không ngành kinh tế nào có thể thay thế được là

- A. cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp.
- C. tạo ra nhiều việc làm cho người lao động.

- B. cung cấp lương thực, thực phẩm.
- D. sản xuất ra mặt hàng để xuất khẩu.

Câu 9: Đặc điểm quan trọng nhất phân biệt ngành nông nghiệp với ngành công nghiệp là

- A. sản xuất có tính mùa vụ.
- C. đất trồng là tư liệu sản xuất.

- B. sản xuất phụ thuộc vào tự nhiên.
- D. ứng dụng khoa học vào sản xuất.

Câu 10: Trong sản xuất nông nghiệp, cần hiểu biết và tôn trọng các quy luật tự nhiên vì

- A. nông nghiệp trở thành ngành sản xuất hàng hóa.
- C. ứng dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật vào sản xuất.

- B. sản xuất phụ thuộc nhiều vào tự nhiên.
- D. nông nghiệp làm thay đổi tự nhiên.

Câu 11: Để khắc phục tính mùa vụ trong sản xuất nông nghiệp cần phải

- A. thay thế các cây ngắn ngày bằng các cây dài ngày.
- B. xây dựng cơ cấu nông nghiệp hợp lí, đa dạng hóa sản xuất.
- C. tập trung vào những cây trồng có khả năng chịu hạn tốt.
- D. tập trung vào một số cây trồng, vật nuôi cho năng suất cao.

Câu 12: Biểu hiện nào sau đây **không** phải là đặc điểm của nền nông nghiệp hàng hóa?

- A. Ứng dụng công nghệ vào sản xuất.
- C. Sản xuất theo lối quảng canh.

- B. Tạo ra khối lượng nông sản lớn.
- D. Hình thành vùng chuyên môn hóa.

Câu 13: Ý nào dưới đây thể hiện vai trò đặc biệt quan trọng của sản xuất cây lương thực?

- A. tạo ra nguồn hàng xuất khẩu có giá trị cao.
- C. cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

- B. cung cấp tinh bột cho người và vật nuôi.
- D. cung cấp việc làm cho người lao động.

Câu 14: Cây lúa gạo thích hợp với điều kiện sinh thái nào sau đây?

- A. Khí hậu ẩm, khô, đất màu mỡ.
- C. Khí hậu khô, đất thoát nước.

- B. Khí hậu nóng, đất ẩm.
- D. Khí hậu nóng, ẩm, đất phù sa.

Câu 15: Cây lúa gạo chủ yếu phân bố ở

- A. vùng nhiệt đới, cận nhiệt gió mùa.
- C. vùng nhiệt đới, cận nhiệt, ôn đới nóng.

- B. vùng thảo nguyên ôn đới, cận nhiệt.
- D. vùng đồng cỏ, nửa hoang mạc nhiệt đới.

Câu 16: Ý nào sau đây thể hiện đặc điểm sinh thái của cây lúa mì?

- A. Khí hậu nóng, khô, đất nghèo dinh dưỡng.
- C. Khí hậu ẩm, khô, đất đai màu mỡ.

- B. Khí hậu nóng, ẩm, đất phù sa.
- D. Khí hậu lạnh, khô, đất thoát nước.

Câu 17: Cây lúa mì chủ yếu phân bố ở

- A. vùng nhiệt đới, châu Á gió mùa.
- C. vùng bán hoang mạc nhiệt đới.

- B. vùng ôn đới và cận nhiệt.
- D. từ miền nhiệt đới đến ôn đới.

Câu 18: Cây ngô có thể trồng được ở nhiều miền khí hậu là do

- A. có giá trị kinh tế cao để xuất khẩu.
- C. thích hợp với nhiều loại đất trồng.

- B. là nguyên liệu cho công nghiệp.
- D. dễ thích nghi với sự dao động của khí hậu.

Câu 19: Những cây hoa màu nào sau đây được trồng ở miền ôn đới?

- A. Khoai tây, đại mạch, yến mạch.
- C. Mạch đen, sắn, ngô, kê.

- B. Khoai tây, cao lương, kê.
- D. Khoai lang, yến mạch, cao lương.

Câu 20: Ý nào sau đây nói về vai trò quan trọng nhất của sản xuất cây công nghiệp?

- A. Cung cấp tinh bột cho chăn nuôi. B. Cung cấp lương thực, thực phẩm.
C. Cung cấp mặt hàng để xuất khẩu. D. Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp.

Câu 21: Cây củ cải đường được trồng ở

- A. miền cận nhiệt, nơi có khí hậu khô, đất nghèo dinh dưỡng.
B. miền nhiệt đới, có nhiệt - ẩm cao, đất giàu dinh dưỡng.
C. miền ôn đới và cận nhiệt, đất đen, đất phù sa giàu dinh dưỡng.
D. miền ôn đới lạnh, ít mưa, đất nghèo dinh dưỡng.

Câu 22: Ý nào sau đây thể hiện đặc điểm sinh thái của cây mía?

- A. Cần nhiệt, ẩm cao, phân hóa theo mùa. B. Khí hậu lạnh, bón phân đầy đủ.
C. Khí hậu cận nhiệt, đất đen giàu dinh dưỡng. D. Khí hậu ôn hòa, mưa nhiều.

Câu 23: Yêu cầu khác biệt nhất giữa sản xuất cây công nghiệp và cây lương thực là

- A. cần nhiệt - ẩm cao. B. cần nhiều công chăm sóc.
C. cần đất thích hợp. D. cần lao động có kỹ thuật.

Câu 24: Miền khí hậu tập trung nhiều cây công nghiệp nhất của thế giới là

- A. cận nhiệt đới. B. nhiệt đới khô.
C. ôn đới hải dương. D. nhiệt đới gió mùa.

Câu 25: Việt Nam là quốc gia trồng được nhiều cà phê là do

- A. nhiều đồng bằng phù sa màu mỡ. B. có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
C. nhiều đồi núi, cao nguyên, thung lũng. D. có lao động dồi dào, giàu kinh nghiệm.

Câu 26: Sự phát triển và phân bố ngành chăn nuôi phụ thuộc chặt chẽ vào yếu tố nào?

- A. Nhu cầu của người dân. B. Nguồn lao động dồi dào.
C. Cơ sở nguồn thức ăn. D. Trình độ khoa học kỹ thuật.

Câu 27: Ý nào sau đây **không** phải vai trò của ngành chăn nuôi?

- A. Cung cấp tinh bột cho bữa ăn của con người. B. Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp.
C. Cung cấp thực phẩm dinh dưỡng cho con người. D. Cung cấp sức kéo và phân bón cho trồng trọt.

Câu 28: Trong nền nông nghiệp hiện đại, ngành chăn nuôi chủ yếu theo hình thức

- A. chăn thả. B. chuồng trại.
C. công nghiệp. D. trang trại.

II. TỰ LUẬN (3 điểm): Học sinh vẽ biểu đồ vào giấy kiểm tra

Cho bảng số liệu: **Một số sản phẩm công nghiệp của nước ta từ năm 1995 - 2016**

Sản phẩm	Đơn vị	1995	1999	2005	2010	2016
Than sạch	Nghìn tấn	8.350,0	9.629,0	34.093,0	44.835,0	38.735,0
Dầu thô	Nghìn tấn	7.620,0	15.217,0	18.519,0	15.014,0	17.230,0
Bia các loại	Triệu lít	465,0	689,8	1.460,6	2.420,2	3.845,1
Vải	Triệu m ²	263,0	322,2	560,8	1.176,9	1.700,7

a. Vẽ biểu đồ thể hiện tốc độ tăng trưởng của một số sản phẩm công nghiệp của nước ta từ năm 1995 - 2016.

b. Từ bảng số liệu và biểu đồ đã vẽ hãy rút ra nhận xét cần thiết.

-----Hết-----